

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG TÍN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 07/05/2025
V/v tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Bôi và bà Đỗ Thị Kim Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố Hà N tham gia phiên tòa: Ông Tô Quốc Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố Hà N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 79/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXX-ST ngày 17 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997 (Có mặt)

Trú tại: Xóm Thao C, xã Vĩnh T, huyện Kim B, tỉnh Hòa B.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn D, sinh năm 1989

HKTT và trú tại: thôn Văn X, xã Nhị K, huyện Thường T, TP Hà N.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Suối H, Cục C10, Bộ Công an; địa chỉ: Xã Cẩm L, huyện Ba V, thành phố Hà N. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn chị H trình bày:

Chị và anh Phạm Văn D tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhị K, huyện Thường T, thành phố Hà N và được cấp giấy chứng nhận Đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 10 năm 2015. Sau khi kết hôn anh chị chung sống bình thường đến tháng 10 năm 2019 thì anh D phạm tội Giết người và phải đi chấp hành án tại Trại giam Suối H. Lần cuối

cùng chị H thăm gặp anh D là năm 2022. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Phạm Văn D. Về con chung: Chị H và anh D có hai con chung là cháu Phạm H Q, sinh ngày 14/9/2017 và cháu Phạm Nguyễn Phúc L, sinh ngày 19/12/2019. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi cả hai con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, công sức đóng góp: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn: Anh Phạm Văn D vắng mặt tại phiên tòa do đang chấp hành án tại Trại giam Suối Hai. Anh D có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và xin xét xử vắng mặt. Tại Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai anh D trình bày: Anh tự nguyện kết hôn với chị Nguyễn Thị H ngày 26 tháng 10 năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhị K, huyện Thường T, thành phố Hà N và được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn anh chị chung sống bình thường đến tháng 10 năm 2019 thì anh D phạm tội và phải đi chấp hành án tại Trại giam Suối H. Từ đó đến nay tình cảm vợ chồng xa cách, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H xin ly hôn anh đồng ý. Về con chung: Chị H và anh có hai con chung là cháu Phạm H Q, sinh ngày 14/9/2017 và cháu Phạm Nguyễn Phúc L, sinh ngày 19/12/2019. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi cả hai con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con anh D đều đồng ý. Về tài sản chung, công sức đóng góp: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thường T tham gia phiên tòa phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định đúng và đầy đủ; Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Thường T thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền. Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định; Về thu thập chứng cứ đủ và đúng theo quy định của pháp luật; Đương sự vắng mặt đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự quy định.

Về N dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hương, xử cho chị H được ly hôn với anh D. Về con chung: Giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Chị H và anh D đều xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét; Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm; Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, Thành phố Hà N cùng lời trình bày của các đương sự tại bản khai có trong hồ sơ, có cơ sở để xác định đây là vụ án ly hôn. Bị đơn anh Phạm Văn D có hộ khẩu thường trú tại xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín.

[2] Về N dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/10/2015 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bình thường đến tháng 10 năm 2019 anh D phạm tội phải đi chấp hành án tại Trại giam Suối H. Chị H xác định tình cảm hạnh phúc không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị được ly hôn với anh D. Xét đề nghị của chị H phù hợp theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Tòa án chấp nhận, cho chị H được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị H và anh D có hai con chung là cháu Phạm H Q, sinh ngày 14/9/2017 và cháu Phạm Nguyễn Phúc L, sinh ngày 19/12/2019. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi cả hai con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, anh D đồng ý nên được chấp nhận.

Về tài sản chung, công sức đóng góp: Chị H và anh D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về nợ chung hoặc cho vay: Chị H và anh D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Phạm Văn D

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn D .

2. Về con chung: Giao cháu Phạm H Q, sinh ngày 14/9/2017 và cháu Phạm Nguyễn Phúc L, sinh ngày 19/12/2019 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh D đến khi chị H có yêu cầu hoặc thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị H và anh D xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0016703 ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín, Thành phố Hà N. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Thường Tín;
- Chi cục THADS huyện Thường Tín;
- UBND xã Nhị Khê;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Trí Tuyên